

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **153/2025/DS-PT**

Ngày: 05- 3 - 2025

V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thơ.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim D (Tên gọi khác là T), sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau;

Tạm trú: 317/2 đường H, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (*Theo văn bản uỷ quyền ngày 23/02/2023*).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Dương Thị C1, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số G, tổ H, ấp B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2024).

3. Người kháng cáo: Bị đơn - anh Nguyễn Duy K.

(Anh Chương và chị C1 có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D có đại diện theo ủy quyền là anh Đỗ Văn C trình bày:

Do chỗ quen biết, vào ngày 02/02/2023 (âm lịch) chị Nguyễn Thị Kim D có cho anh Nguyễn Duy K vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay đến cuối tháng 03/2023 (âm lịch) phải trả lại số tiền đã vay. Anh Nguyễn Duy K có làm biên nhận cho chị và hứa sẽ trả đủ tiền khi đến hạn. Đối với lãi suất và thời hạn vay tiền thì chị và anh K chỉ thỏa thuận miệng không ghi cụ thể vào nội dung biên nhận. Khi đến hạn trả tiền, chị nhiều lần yêu cầu anh K trả số tiền 500.000.000 đồng nhưng anh K cứ hứa hẹn, kéo dài đến nay không trả khoản tiền nào cho chị.

Trước đây, chị yêu cầu anh Nguyễn Duy K trả cho chị số tiền đã vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng, nay chị chỉ yêu cầu anh K trả tiền vốn vay và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 19/5/2023 đến khi xét xử xong, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Duy K có đại diện ủy quyền là chị Dương Thị C1 trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim D hoàn toàn không có quen biết với nhau nên không có việc vay mượn số tiền 500.000.000 đồng của chị D. Anh K cho rằng tại “Biên nhận mượn tiền” ngày 02/2/2023 không thể hiện mục đích anh vay tiền để làm gì, cũng không thể hiện chị D đã giao tiền cho anh bằng tiền mặt hay chuyển khoản hoặc thông qua người khác. Anh xác định không vay số tiền 500.000.000 đồng và anh không có viết hay ký tên vào biên nhận mượn tiền nêu trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị D yêu cầu anh trả số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 19/5/2023 đến khi xét xử xong thì anh K không đồng ý.

***Bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;**

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim D (Tên gọi khác là T).

Buộc anh Nguyễn Duy K trả cho chị Nguyễn Thị Kim D (Tên gọi khác là T) số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 65.985.000 đồng, tổng cộng

565.985.000 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm triệu chính trăm tám mươi lăm nghìn đồng)..

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

* Ngày 23 tháng 9 năm 2024, anh Nguyễn Duy K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim D.

***Tại phiên tòa hôm nay:**

- Anh Đỗ Văn C và chị Dương Thị C1 có đơn xin vắng mặt.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Duy K còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Người đại diện theo uỷ quyền của chị D là anh Đỗ Văn C và người đại diện theo uỷ quyền của anh K là chị Dương Thị C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cho nên hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh C và chị C1.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Anh Nguyễn Duy K kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm với các lý do sau:

-Thứ nhất: Anh và chị D hoàn toàn không có quen biết nhau nên không có việc anh mượn số tiền 500.000.000 đồng của chị D.

-Thứ hai: Chị D khởi kiện và đưa ra biên nhận mượn tiền cho rằng đó là chữ ký và chữ viết của anh. Mặc dù đã nhiều lần anh xác nhận anh không có ký tên hoặc viết vào biên nhận mượn tiền nhưng Toà án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự buộc anh phải có nghĩa vụ chứng minh chữ ký và chữ viết trong biên nhận không phải là của anh. Nhận định này của Toà án là không phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh của đương sự.

-Thứ ba: Tại biên nhận mượn tiền ngày 02/02/2023 âm lịch không thể hiện ngày trả tiền cũng như không thể hiện việc mượn tiền này là có lãi, nhưng Toà án cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc anh phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 65.985.000 đồng là chưa phù hợp.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim D xác định vào ngày 02/02/2023 âm lịch (tháng 2 âm lịch sau, tức ngày 22/3/2023 dương lịch) chị D có cho anh Nguyễn Duy K vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, hạn đến cuối tháng 3/2023 âm lịch (ngày 29/3/2023 âm lịch, tức ngày 18/5/2023 dương lịch) phải trả. Anh K có làm “Biên nhận mượn tiền” cùng ngày và ký tên xác nhận, tuy nhiên các bên chỉ thỏa thuận miệng về lãi suất và thời hạn trả nợ mà không ghi rõ vào nội dung biên nhận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh là “Biên nhận mượn tiền” ngày 02/02/2023 âm lịch, thể hiện nội dung: “...Tôi tên Nguyễn Duy K sinh năm 1993 có mượn của chị T số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu chẵn)...ngày 2-2-2023 ÂL sau..”, phía dưới có chữ ký và ghi rõ họ tên Nguyễn Duy K. Đồng thời chị D ký vào mục “người cho mượn tiền”.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Duy K cho rằng anh không quen biết với chị D, không có vay mượn số tiền 500.000.000 đồng và cũng không viết hay ký tên vào “biên nhận mượn tiền” ngày 02/02/2023 âm lịch. Anh K cho rằng biên nhận nợ thể hiện nội dung vay tiền của chị “Tầm” chứ không phải của chị D, tại biên nhận cũng không thể hiện vay số tiền để làm gì, nếu có vay thì chị D giao tiền cho anh bằng hình thức nào cũng không nêu rõ.

Xét, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D cung cấp chứng cứ là “Biên nhận mượn tiền”, còn bị đơn anh Nguyễn Duy K cho rằng không có viết hay ký tên vào biên nhận nhưng phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.”.

Ngày 20/6/2024, anh K có đơn yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ viết và chữ ký. Tòa án đã ra thông báo số 391/TB-TA ngày 21/6/2024 qui định cho anh K trong thời hạn 15 ngày phải nộp bản chính các giấy tờ làm cơ sở cho việc giám định chữ viết, chữ ký và nộp tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định. Đồng thời Tòa án cũng tạm ngừng phiên tòa cho thời gian để bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, nhưng hết thời hạn đã quá lâu mà anh K vẫn không thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của anh K cũng không có yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của anh K. Vì vậy, xem như anh K đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những cứ chứng tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định.

Ngoài ra, bị đơn cho rằng biên nhận thể hiện chị “Tầm” cho vay số tiền 500.000.000 đồng chứ không phải chị Nguyễn Thị Kim D cho vay tiền. Tuy nhiên, tại “Đơn xin xác nhận” ngày 30/10/2023, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C xác nhận chị Nguyễn Thị Kim D còn có tên gọi khác là “Tầm”. Mặt khác, phía dưới của biên nhận ngày 02/02/2023 còn có nội dung “người cho mượn tiền”, chị D ký tên và ghi họ tên “Nguyễn Thị Kim D (Tầm)”.

Từ những phân tích như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định được chị Nguyễn Thị Kim D cho anh Nguyễn Duy K vay số tiền 500.000.000 đồng. Đến hạn, nhiều lần chị D yêu cầu anh Nguyễn Duy K trả nợ nhưng không trả làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị D. Do đó, chị D yêu cầu anh K trả số tiền 500.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về lãi suất: chị D trình bày kể từ khi cho vay đến nay anh K không trả khoản tiền lãi nào. Trước đây, chị D yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng nhưng nay chị D yêu cầu chỉ tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 19/5/2023 đến ngày xét xử xong (ngày 16/9/2024) là 15 tháng 27 ngày, yêu cầu của chị D là phù hợp và có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau: 500.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng 27 ngày = 65.985.000 đồng.

Từ những căn cứ như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, buộc anh K phải trả cho chị D số tiền vốn vay 500.000.000 đồng và tiền lãi 65.985.000 đồng là phù hợp pháp luật. Anh K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở phù hợp pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh K không được chấp nhận nên anh K phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim D (Tên gọi khác là T).

Buộc anh Nguyễn Duy K phải trả cho chị Nguyễn Thị Kim D (Tên gọi khác là T) số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 65.985.000 đồng, tổng cộng

565.985.000 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Duy K chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/- Về án phí:

Anh Nguyễn Duy K phải chịu 26.639.400 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi chín ngàn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kim D (tên gọi khác là T) 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018083 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Nguyễn Duy K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016899 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy